



wán jù

玩具

Noun · toy

Example Sentences

zhè shì wán jù
这是玩具。

This is a toy.

hái zi men xǐ huan wán wán jù
孩子们喜欢玩玩具。

Children like to play with toys.

tā jīng xīn tiāo xuǎn de wán jù zhǐ zài jī fā hái zi de chuàng zào lì yǔ xiǎng xiàng lì
他精心挑选的玩具，旨在激发孩子的创造力与想象力。

The toy he carefully selected is designed to stimulate the child's creativity and imagination.

Trace each character, then write the word on your own.

玩	玩	玩	玩	玩	玩	玩	玩	玩	玩	玩
具	具	具	具	具	具	具	具	具	具	具